

Số: 889/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 27 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 949/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Hồ Đình T, sinh năm 1985.

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Kiệt 15, tổ dân phố X, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Kiệt 15, tổ dân phố X, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: Thôn L, xã M, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã P (nay là phường V, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/11/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian khoảng 02 đến 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng sâu sắc, từ năm 2016, vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cùng tự nguyện thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1 xác nhận có 01 con chung là cháu Hồ Đình Quốc K, sinh ngày 05/9/2010. Hai bên thỏa thuận giao cháu K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1 xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được

khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001262 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1.

- Về con chung: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1 xác nhận có 01 con chung là cháu Hồ Đình Quốc K, sinh ngày 05/9/2010. Hai bên thỏa thuận giao cháu K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1 xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Hồ Đình T và chị Nguyễn Thị Kim H1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh T, chị H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001262 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường V, thành phố H (ĐKKH số 55, ngày 15/11/2011);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú